

3) Nguyên tắc trợ cấp :

Tất cả những nữ cán bộ, công nhân viên có con nhỏ từ 1 đến 3 tuổi nếu không gửi con vào vườn trẻ cơ quan thì đều được trợ cấp.

Những chị em phải công tác lưu động, ở lẻ lẻ hoặc công tác trong một cơ quan không có điều kiện tổ chức vườn trẻ cũng được trợ cấp.

Các cháu mới sinh chỉ được hưởng trợ cấp từ khi mẹ đi làm việc sau thời kỳ nghỉ đẻ (làm việc trước ngày 15 được trợ cấp cả tháng, làm việc sau ngày 15 thì trợ cấp 1/2 tháng).

Chú ý: Với cơ quan đã có tổ chức vườn trẻ thì sẽ giải quyết như sau :

Đối với những vườn trẻ sẵn có, khi đặt vấn đề trợ cấp giữ trẻ phải dựa trên cơ sở đứa bé có người trông giữ (phải được cha mẹ đứa bé đảm bảo), biện chế vườn trẻ được thu xếp hợp lý (có người có việc, tránh tình trạng ngồi không ăn lương). Do đó đối với các cháu đã gửi vườn trẻ, khi giải quyết trợ cấp cơ quan phải xét kỹ; không vì quy định trợ cấp trên mà giải tán vườn trẻ đã có, gây khó khăn lúng túng cho cán bộ, công nhân viên. Những cháu bé mà bố mẹ đã đề nghị được hưởng trợ cấp giữ trẻ, nay muốn gửi lại vườn trẻ phải được cơ quan xét, quyết định với khả năng đảm bảo của vườn trẻ. Con mới đẻ của nữ cán bộ, công nhân viên sống tập thể nếu không hưởng trợ cấp thì được gửi vào vườn trẻ sẵn có của cơ quan.

Trong thông tư số 2-LB/CB ngày 10-5-1954 có nói « cơ quan hay xí nghiệp chỉ có một cháu dưới 2 năm không đủ điều kiện để có một người trông nom nhưng là con nữ cán bộ chỉ đạo tại chức Phó trưởng phòng Ủy ban tỉnh trở lên, Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện trở lên đặc biệt cũng được một người trông nom ». Đó là quy định trong thời kháng chiến, nay có chế độ trợ cấp do thông tư này quy định thì điều nói trên không còn áp dụng nữa.

4) Những quy định nào trong thông tư số 2-LB/CB trái với những nguyên tắc trên đều không còn thi hành nữa.

★

Việc trợ cấp này là để giải quyết một phần khó khăn cho các chị em cán bộ, công nhân viên có đủ tiêu chuẩn gửi con vào vườn trẻ, để chị em có đủ điều kiện bảo đảm công tác chuyên môn và chỉ là một giải pháp có tính chất tạm thời trong khi ta còn duy trì chế độ lương hiện hành.

Việc trợ cấp phải xét kỹ và giải quyết cho đúng với tinh thần của thông tư Liên bộ, tuyệt đối không được vừa có người giữ trẻ, vừa trợ cấp. Các chị em khi được trợ cấp cũng phải tự giải quyết lấy những khó khăn để có điều kiện bảo

đảm công tác chuyên môn cũng như học tập sinh hoạt ở cơ quan.

Thông tư này thi hành từ 1-11-1957 và không áp dụng đối với doanh xí nghiệp.

Trong khi thực hiện các cơ quan Hành chính, Sự nghiệp từ trung ương đến địa phương có gặp khó khăn trở ngại gì đề nghị cho Liên bộ chúng tôi biết để kịp thời nghiên cứu và bổ sung (báo cáo lên Bộ Nội vụ).

Hà nội, ngày 19 tháng 10 năm 1957

K.T Bộ trưởng Bộ Nội vụ K.T Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

Thủ trưởng

TÒ QUANG ĐÀU

TRỊNH VĂN BÌNH

CÁC BỘ

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 35 TT/NV ngày 18-10-1957
về việc định các mẫu dấu cho Hội đồng bầu cử và các Ban bầu cử trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các thành phố Hà nội và Hải phòng.

Kính gửi : Ủy ban Hành chính thành phố Hà nội, Hải phòng

Để việc dùng dấu được thống nhất trong các thành phố, Bộ Nội vụ quy định mẫu con dấu của Hội đồng bầu cử và các Ban bầu cử như sau :

1 - Hình thể: Dấu hình tròn.

2 - Khuôn khổ: Đường kính con dấu của Hội đồng bầu cử rộng 36 ly. Đường kính con dấu của các Ban bầu cử rộng 38 ly.

3 - Đường chỉ: Dấu của Hội đồng bầu cử và các Ban bầu cử có một đường chỉ to ở ngoài.

Trong lòng con dấu có một vòng, vòng trong cách đường chỉ ngoài 5 ly.

4 - Nội dung:

Dấu của Hội đồng bầu cử :

Vành ngoài đề Việt-nam Dân chủ Cộng hòa (có sao nhỏ giữa chữ Việt và chữ Hòa).

Trong lòng đề Hội đồng bầu cử thành phố (tên thành phố như Hà nội hay Hải phòng).

Dấu của các Ban bầu cử :

Vành ngoài : phía trên đề ★ Việt nam dân chủ cộng hòa ★ ; phía dưới đề thành phố... (Hà nội hay Hải-phòng).

Trong lòng đề Ban bầu cử đơn vị bầu cử...(để tiếp số hiệu hay tên của đơn vị bầu cử).

5 — Mục dấu:

Hội đồng bầu cử và các Ban bầu cử đều dùng dấu mục đồ.

Đính kèm: một bản mẫu các con dấu.

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 1957

K/T Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng

TÔ QUANG ĐÀU

**BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN**

NGHỊ ĐỊNH số 317-ND ngày 14-10-1957
sửa đổi giá cước vận chuyển hàng
hóa bằng Đường sắt.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

Đề có một giá cước vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt thích hợp với tình hình và chính sách kinh tế hiện nay;

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng vật giá trung ương họp ngày 30-9-1957;

Sau khi được Thủ tướng phủ phê chuẩn (công văn số 6357-CN ngày 14-10-1957).

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay sửa đổi lại giá cước vận chuyển hàng hóa bằng đường sắt.

Điều 2. — Bảng phân bậc hàng hóa vận chuyển bằng đường sắt chia làm 10 bậc, bảng phân bậc đính theo nghị định này.

Điều 3. — Cước nguyên toa quy định như sau:

Bậc 1 : 200đ	1 T/cs	Bậc 6 : 110đ	1 T/cs
Bậc 2 : 180	—	Bậc 7 : 95	—
Bậc 3 : 160	—	Bậc 8 : 80	—
Bậc 4 : 140	—	Bậc 9 : 70	—
Bậc 5 : 125	—	Bậc 10 : 60	—

Điều 4. — Cước hàng lẻ tính đồng loạt 200đ 1 T/cs.

Điều 5. — Bãi bỏ giá cước cũ và bắt đầu thi hành cước mới kể từ ngày 1-11-1957.

Điều 6. — Ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện và ông Chủ nhiệm Tổng cục Đường sắt chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 1957.

Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bưu điện

NGUYỄN VĂN TRẦN

BẢNG PHÂN BẬC HÀNG HÓA**BẬC 1**

SỐ	TÊN HÀNG	SỐ	TÊN HÀNG
1	Thuốc lá xì gà đóng hộp.	23	Sâm.
2	Thuốc lá điếu đóng hộp, đóng bao.	24	Ngà voi.
3	Rượu bia.	25	Đồng hồ.
4	Rượu ngọt.	26	Máy ảnh.
5	Rượu mùi.	27	Máy nước nhỏ tinh vi.
6	Rượu vang.	28	Máy móc vô tuyến điện các loại.
7	Rượu làm bằng hoa quả.	29	Máy truyền thanh, thu thanh, phát thanh các loại.
8	Rượu Rhum.	30	Pháo đốt.
9	Rượu trắng.	31	Pháo súng.
10	Ca cao.	32	Pháo hoa.
11	Cà phê rang, xay.	33	Đồ chơi bằng chất nỏ, chất cháy.
12	Váy cá.	34	Nước hoa.
13	Bóng cá.	35	Phần sắp để trang sức.
14	Bào ngư.	36	Ngọc, châu báu.
15	Long tu.	37	Đồ trang sức bằng vàng, bằng bạc.
16	Hải sâm.	38	Đồ chạm trổ bằng đồng, bằng vàng bằng bạc.
17	Yến sào.	39	Dụng cụ thí nghiệm khoa học và phụ tùng.
18	Sừng hươu.	40	Thuốc cháy.
19	Sừng nai.		
20	Xương quý để nấu cao (khí, hổ...)		
21	Lộc.		
22	Nhung.		

BẬC 2

SỐ	TÊN HÀNG	SỐ	TÊN HÀNG
1	Thuốc lá sợi đóng bao	18	Đoạn
2	Thuốc lá điếu không đóng bao, không đóng hộp	19	Nhiều
3	Thuốc lá sợi	20	Lính
4	Thuốc láo	21	Gấm
5	Bơ	22	Xa-tanh
6	Phô mát	23	Hàng dệt bằng tơ
7	Chế phẩm bằng bơ, bằng phô mát	24	Hàng thêu
8	Đồ hộp (thịt, cá, nấm, măng, v.v...)	25	Đang tên
9	Nấm hương	26	Lông thú quàng cổ
10	Xi-rô (nước ngọt giải khát)	27	Chân làm bằng lông chim
11	Nước giải khát không có chất cồn	28	Đồ dùng bằng lông chim, bằng lông thú quí
12	Nước suối đóng chai	29	Mũ dạ
13	Đá	30	Mũ lông
14	Len	31	Mũ len
15	Nhung	32	Mũ nỉ
16	Nỉ	33	Thảm lông
17	Hàng dệt bằng dạ, bằng len, bằng nhung	34	Cau tươi, cau khô
		35	Hạt nhân khô
		36	Thuốc nổ
		37	Thuốc súng
		38	Vũ khí
		39	Đạn dược